

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thủy sản là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Trong những năm vừa qua, ngành thủy sản đã đóng góp tích cực trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và đóng góp tương đối lớn vào kinh ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong nhiều năm. Tuy nhiên, hiện nay ngành thủy sản của chúng ta cũng gặp phải những khó khăn nhất định như: Biến đổi khí hậu, các rào cản về thương mại như luật chống bán phá giá, các khâu kiểm định trước khi nhập khẩu vào các nước Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... ngày càng khắt khe, làm cho tình hình sản xuất kinh doanh của các DN Thủy sản gặp không ít khó khăn. Điều này đòi hỏi các DN Thủy sản nói chung và các công ty Thủy sản niêm yết nói riêng phải nâng cao năng lực cạnh tranh đặc biệt là năng lực quản trị.

Việc sử dụng các thông tin phân tích tài chính nói chung và phân tích HQKD nói riêng như một công cụ hỗ trợ trong quản trị, điều hành DN đối với hầu hết các công ty Thủy sản niêm yết còn chưa được chú trọng. Qua khảo sát cho thấy các nhà quản trị DN chưa quan tâm nhiều đến hoạt động này, các chỉ tiêu phân tích HQKD mà các công ty Thủy sản niêm yết sử dụng hiện nay chủ yếu là các chỉ tiêu bắt buộc đối với các công ty niêm yết theo quy định của nhà nước. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài ***“Hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình.

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Trên thế giới cũng như tại Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan phân tích hiệu quả kinh doanh, NCS khái quát hóa các công trình này theo các nhóm sau: các công trình nghiên cứu về cơ sở dữ liệu phân tích, các công trình nghiên cứu về quy trình phân tích, các công trình nghiên cứu về

phương pháp phân tích, các công trình nghiên cứu về nội dung phân tích.

Các công trình nghiên cứu về phân tích HQKD trên thế giới và ở Việt Nam xem xét trong những không gian và thời gian khác, với góc nhìn khác nhau đã mang lại những giá trị to lớn về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, NCS nhận thấy còn một số vấn đề còn bỏ ngỏ như: cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích còn chưa hoặc ít sử dụng các báo cáo quản trị, báo cáo trung bình ngành, báo cáo của các công ty cạnh tranh cùng ngành, như vậy thông tin từ phân tích sẽ không đầy đủ và toàn diện. Đồng thời việc sử dụng các phương pháp phân tích truyền thống như phương pháp đánh giá cũng sẽ làm hạn chế các thông tin cung cấp cho các nhà quản trị công ty và các nhà đầu tư. Thêm vào đó khi phân tích HQKD của các DN mà chỉ xét các nội dung trên khía cạnh kinh tế là chưa toàn diện. Đặc biệt là đối với các công ty niêm yết gây ra những sai lầm khi trong các quyết định quản lý và quyết định đầu tư. Đồng thời, chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp liên quan đến hoàn thiện phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam. Do đó NCS nhận thấy đây là khoảng trống nghiên cứu cho luận án của mình, NCS có thể kế thừa, vận dụng những nghiên cứu đã công bố trong quá trình hoàn thiện đề tài luận án tiến sĩ của mình.

3. Mục đích nghiên cứu của luận án.

Trên cơ sở hệ thống lý luận, các quan điểm về HQKD, tổ chức phân tích, phương pháp, nội dung phân tích HQKD và kết quả điều tra khảo sát, nghiên cứu thực trạng phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam, luận án đề ra những mục tiêu sau:

*** Mục tiêu tổng quát**

Trên cơ sở lý luận về phân tích HQKD của DN và kết quả khảo sát thực tế về phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam, mục tiêu tổng quát của luận án là: nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam. Các nghiên cứu này đặt

ra trong điều kiện phân tích phục vụ nhu cầu thông tin cho các nhà quản trị và nhà đầu tư.

* Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu tổng quát trên, mục tiêu nghiên cứu cụ thể của luận án được xác định như sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về HQKD và phân tích HQKD;
- Nghiên cứu và đánh giá thực trạng phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam trên các góc độ kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân;
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là phân tích HQKD tại các doanh nghiệp.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án được giới hạn như sau:

- Về nội dung: Luận án tập trung vào nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phân tích HQKD bao gồm: cơ sở dữ liệu, quy trình, phương pháp và nội dung phân tích tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam phục vụ cho nhà quản trị và nhà đầu tư;
- Về thời gian: Luận án nghiên cứu thực trạng phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam đến năm 2019 và kiến nghị các giải pháp hoàn thiện phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản Việt Nam niêm yết từ năm 2021;
- Về không gian: tại các công ty Thủy sản của Việt Nam niêm yết trên ba sàn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và sàn Upcom.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Trên nền tảng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, để có các phân tích, đánh giá có căn cứ khoa học. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp tổng hợp; Phương pháp so sánh; Phương pháp phân tích... Bên cạnh đó,

Luận án vận dụng phương pháp thống kê mô tả qua SPSS để đánh giá thực trạng hoạt động phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

* *Ý nghĩa khoa học*: Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về hiệu quả kinh doanh và phân tích HQKD chỉ ra vai trò của hiệu quả kinh doanh và phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu, quy trình, phương pháp và nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh trên khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội. Kết quả nghiên cứu của đề tài bổ sung cơ sở lý luận về hiệu quả kinh doanh và phân tích hiệu quả kinh doanh, giúp các nhà nghiên cứu, giảng dạy, nhà quản lý và người quan tâm có cái nhìn hệ thống phân tích hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến phân tích hiệu quả kinh doanh tại các doanh nghiệp. Đồng thời luận án cũng đúc kết được những bài học kinh nghiệm về phân tích hiệu quả kinh doanh của các doanh ở Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm phân tích hiệu quả kinh doanh tại các nước trên thế giới.

* *Ý nghĩa thực tiễn*: Luận án đã tìm hiểu, phân tích một cách có hệ thống về thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam trên các mặt: cơ sở dữ liệu, quy trình phân tích, phương pháp phân tích và nội dung phân tích trên khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội đến năm 2019. Trên cơ sở đó đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản ở Việt Nam. Từ đó Luận án đã đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam. Các giải pháp này được xây dựng dựa trên cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành Thủy sản và các công ty Thủy sản từ năm 2021

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung của luận án được kết cấu như sau:

Chương 1. Lý luận chung về phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chương 2. Thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam.

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về hiệu quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm hiệu quả kinh doanh

Hiệu quả kinh doanh là một phạm trù kinh tế, phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực và hiệu quả sử dụng các nguồn lực đó nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp và cho xã hội. Với quan điểm này, HQKD được biểu hiện thông qua so sánh tương quan giữa các nguồn lực bỏ ra với những lợi ích thu lại được. Đồng thời, xét trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể, HQKD của doanh nghiệp phải luôn luôn gắn liền với hiệu quả xã hội.

1.1.2. Vai trò của hiệu quả kinh doanh

Thứ nhất, HQKD là thước đo thành quả quan trọng của doanh nghiệp trong quản trị.

Thứ hai, HQKD là nhân tố thúc đẩy sự cạnh tranh và tiến bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, HQKD là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của xã hội, nâng cao hiệu quả xã hội

1.2. Tổng quan về phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm phân tích hiệu quả kinh doanh

Phân tích HQKD doanh nghiệp là việc vận dụng các phương pháp phân tích để đánh giá HQKD của DN trong quá khứ và hiện tại đồng thời dự báo HQKD trong tương lai, từ đó giúp các đối tượng sử dụng thông tin đưa ra những quyết định phù hợp nhằm đạt được những mục tiêu kinh tế cũng như những mục tiêu xã hội

1.2.2. Mục tiêu của phân tích hiệu quả kinh doanh

1.2.3. Cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích hiệu quả kinh doanh

Để tiến hành phân tích HQKD, cần phải có cơ sở dữ liệu đầy đủ, kịp thời và phù hợp. Tài liệu phục vụ cho phân tích

HQKD có thể được lấy từ nhiều nguồn nhưng cơ bản được chia thành: các thông tin bên trong DN và thông tin bên ngoài DN.

1.2.4 Quy trình phân tích hiệu quả kinh doanh

Phân tích hiệu quả kinh doanh được thực hiện qua ba giai đoạn :giai đoạn chuẩn bị phân tích; giai đoạn thực hiện phân tích; giai đoạn kết thúc phân tích

1.2.5. Phương pháp phân tích hiệu quả kinh doanh

Để tiến hành phân tích HQKD tại doanh nghiệp, các nhà phân tích thường sử dụng kết hợp các phương pháp kỹ thuật đặc thù trong phân tích như: phương pháp đánh giá, phương pháp phân tích nhân tố, phương pháp dự báo... Mỗi một phương pháp lại có những tác dụng khác nhau, và được sử dụng ở từng nội dung phân tích khác nhau. Cụ thể như sau:

1.2.5.1. Phương pháp đánh giá

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến nhất trong phân tích HQKD bao gồm: phương pháp so sánh, phương pháp phân chia và phương pháp đô thị

1.2.5.2. Phương pháp phân tích nhân tố

Phân tích nhân tố là phương pháp phân tích được sử dụng nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố đến các chỉ tiêu phản ánh HQKD. Phương pháp phân tích nhân tố gồm các phương pháp: Phương pháp Dupont, phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố.

1.2.5.3. Phương pháp dự báo

Phương pháp dự báo được sử dụng để dự báo HQKD và khả năng tăng trưởng của DN. Có nhiều phương pháp khác nhau để dự đoán các chỉ tiêu kinh tế tài chính trong tương lai; trong đó có thể kể đến phương pháp hồi quy, phương pháp mô hình kinh tế lượng.

1.2.6. Nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.6.1. Nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trên khía cạnh kinh tế

Xét trên khía cạnh kinh tế thì nội dung phân tích HQKD phải thể thiện trình độ sử dụng nguồn lực và lợi ích mà doanh nghiệp thu được từ việc sử dụng nguồn lực đó. Do vậy, NCS chia

nội dung phân tích HQKD trên khía cạnh kinh tế thành: nội dung phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh, nội dung phân tích hiệu quả chi phí, nội dung phân tích hiệu suất sử dụng vốn, và nội dung phân tích khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

*** Nội dung phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh**

Để phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, sử dụng chỉ tiêu sau: tỷ suất LN thuần từ hoạt động BH & CCDV, tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận kế toán trước thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế. Khi phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh sử dụng phương pháp so sánh các chỉ tiêu giữa kỳ phân tích với kỳ gốc (kỳ này với các kỳ trước, số liệu của DN này với DN khác cùng ngành...) đồng thời căn cứ vào giá trị của từng chỉ tiêu, vào kết quả so sánh, vào đặc thù ngành nghề kinh doanh của DN để đánh giá tình hình hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ.

*** Nội dung phân tích hiệu quả chi phí**

Để phân tích hiệu quả chi phí của doanh nghiệp, sử dụng các chỉ tiêu sau: tỷ suất chi phí, tỷ suất giá vốn hàng bán, tỷ suất chi phí bán hàng, tỷ suất chi phí QLDN. Phân tích hiệu quả sử dụng chi phí người ta thường sử dụng phương pháp so sánh để xác định các chỉ tiêu tỉ suất chi phí ở kỳ phân tích với kỳ gốc (kỳ này với các kỳ trước, số liệu của DN này với DN khác cùng ngành...), đồng thời căn cứ vào giá trị của từng chỉ tiêu vào kết quả so sánh, đặc thù ngành nghề kinh doanh của DN để đánh giá tình hình quản lý chi phí của DN trong kỳ.

*** Nội dung phân tích hiệu suất sử dụng vốn**

- *Phân tích hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh*

Phân tích hiệu suất sử dụng VKD nhằm đánh giá trình độ quản lý, sử dụng vốn trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Khi phân tích hiệu suất sử dụng vốn, sử dụng chỉ tiêu: hiệu suất sử dụng VKD. Khi phân tích hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh sử dụng phương pháp so sánh các chỉ tiêu giữa kỳ phân tích với kỳ gốc và phương pháp phân tích nhân tố, phân

tích tính chất ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phân tích tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn

Vốn ngắn hạn là biểu hiện bằng tiền của tài sản ngắn hạn. Trong quá trình sản xuất, vốn ngắn hạn của doanh nghiệp liên tục vận động qua các giai đoạn khác nhau của chu kỳ sản xuất kinh doanh. Vốn ngắn hạn luân chuyển nhanh hay chậm phản ánh tình hình luân chuyển vốn ngắn hạn. Khi phân tích tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn người ta sử dụng 2 chỉ tiêu: Số vòng luân chuyển vốn ngắn hạn và kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn. Khi phân tích tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn ta sử dụng phương pháp so sánh các chỉ tiêu giữa kỳ phân tích với kỳ gốc và phương pháp phân tích nhân tố, phân tích tính chất ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu suất sử dụng vốn ngắn hạn.

- Phân tích tốc độ luân chuyển hàng tồn kho

Tốc độ luân chuyển hàng tồn kho được thể hiện qua hai chỉ tiêu: Vòng quay hàng tồn kho và kỳ tồn kho bình quân. Để phân tích tốc độ luân chuyển hàng tồn kho sử dụng phương pháp so sánh các chỉ tiêu phân tích kỳ phân tích với kỳ gốc, và phương pháp phân tích nhân tố để xác định mức độ ảnh hưởng đến tốc độ luân chuyển hàng tồn kho.

- Phân tích tốc độ luân chuyển các khoản phải thu

Các khoản phải thu là phần vốn của doanh nghiệp đang tạm thời bị các bên liên quan chiếm dụng trong khâu thanh toán. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn thanh toán giúp cung cấp thông tin cho các nhà quản lý của công ty về tốc độ luân chuyển vốn thanh toán, giúp nhà quản lý có chính sách tín dụng và giải pháp thu hồi nợ hợp lý với từng đối tượng nợ. **Tốc độ luân chuyển vốn thanh toán được thể hiện ở hai chỉ tiêu: Số vòng thu hồi nợ và kỳ hạn thu hồi nợ bình quân.** Khi phân tích **tốc độ luân chuyển các khoản phải thu** sử dụng phương pháp so sánh các chỉ tiêu phân tích kỳ phân tích với kỳ gốc, và phương pháp phân tích nhân tố để xác định mức độ ảnh hưởng đến tốc độ luân chuyển các khoản phải thu.

- Phân tích hiệu suất sử dụng vốn cố định

Để phân tích hiệu suất sử dụng vốn cố định người ta sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn cố định. Khi phân tích hiệu suất sử dụng vốn cố định sử dụng phương pháp so sánh các chỉ tiêu phân tích kỳ phân tích với kỳ gốc, và phương pháp phân tích nhân tố để xác định mức độ ảnh hưởng đến hiệu suất sử dụng vốn cố định.

*** Phân tích khả năng sinh lời của doanh nghiệp**

- *Khả năng sinh lời của vốn kinh doanh*

Khả năng sinh lời vốn kinh doanh thể hiện qua chỉ tiêu: Hệ số sinh lời ròng của tài sản (ROA) và hệ số sinh lời kinh tế của tài sản (BEP). Khi phân tích khả năng sinh lời vốn kinh doanh ta sử dụng phương pháp so sánh để các chỉ tiêu phân tích với kỳ gốc, phương pháp Dupont và phương pháp phân tích nhân tố để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố.

- *Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu phân tích: hệ số sinh lời của VCSH (ROE). Khi phân tích ROE ta sử dụng phương pháp so sánh, phương pháp Dupont và phương pháp phân tích nhân tố để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới ROE, đồng thời sử dụng phương pháp dự báo (mô hình kinh tế lượng) để phân tích tác động của các nhân tố đến ROE

*** Khả năng sinh lời của cổ phiếu**

Đối với các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, thì ngoài những chỉ tiêu xác định khả năng sinh lời đã nêu ở trên, các công ty này còn có thể đánh giá khả năng sinh lời qua các chỉ tiêu sinh lời cổ phiếu, cụ thể như sau: Hệ số sinh lời cổ phiếu thường (EPS), cổ tức trên thu nhập của mỗi cổ phiếu thường (D/E), hệ số cổ tức trên thị giá của mỗi cổ phiếu thường (D/P). Khi phân tích các hệ số trên dùng phương pháp so sánh giữa kỳ này với kỳ trước của từng chỉ tiêu hoặc so sánh chỉ tiêu của doanh nghiệp với trung bình ngành. Ngoài ra có thể sử dụng phương pháp phân tích ảnh hưởng của từng nhân tố tác động đến từng chỉ tiêu để có giải pháp thích hợp.

1.2.6.2. Nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trên khía cạnh xã hội

Để phân tích hiệu quả kinh doanh của DN đứng trên góc độ xã hội, sử dụng các nhóm chỉ tiêu nhóm các chỉ tiêu đóng góp về mặt kinh tế cho xã hội, nhóm các chỉ tiêu đóng góp về mặt bảo vệ môi trường và nhóm các chỉ tiêu khác.

- Nhóm các chỉ tiêu đóng góp về mặt kinh tế cho xã hội: Mức độ đóng góp ngân sách Nhà nước (NSNN), thu nhập bình quân của người lao động.

- Nhóm các chỉ tiêu đóng góp về mặt bảo vệ môi trường: Tỷ lệ phụ phẩm, phế phẩm từ NVL đầu vào được tái sử dụng, mức độ đầu tư cho lý chất thải sản xuất.

- Nhóm các chỉ tiêu khác: Lợi ích mà DN mang lại cho cộng đồng như: hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học..., chỉ số hài lòng của khách hàng.

Để phân tích các chỉ tiêu hiệu quả xã hội, phương pháp được sử dụng chủ yếu là phương pháp so sánh. So sánh cùng một chỉ tiêu giữa các năm khác nhau để biết mức độ biến động. So sánh chỉ tiêu của DN với chỉ tiêu của những DN khác cùng ngành, cùng lĩnh vực kinh doanh. So sánh chỉ tiêu của DN với chỉ tiêu trung bình của ngành.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

- *Nhóm nhân tố bên trong bao gồm:* quy mô doanh nghiệp; đặc điểm bộ máy quản lý của doanh nghiệp; đặc điểm ngành nghề kinh doanh; nhận thức về phân tích HQKD của nhà quản lý DN; nhân lực phân tích.

- *Nhóm nhân tố bên ngoài:* môi trường quốc tế; môi trường trong nước

1.4. Kinh nghiệm phân tích hiệu quả kinh doanh tại một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp ở Việt Nam

1.4.1. Kinh nghiệm phân tích hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp tại một số nước trên thế giới

Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm về sử dụng cơ sở dữ liệu, quy trình, phương pháp và nội dung phân tích hiệu quả kinh

doanh của các doanh nghiệp tại một số nước trên thế giới như: Anh, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc

1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam

Thứ nhất, cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích HQKD cần được lấy ở nhiều nguồn.

Thứ hai, về phương pháp phân tích cần thực hiện phối hợp với các phương pháp và kỹ thuật khác nhau.

Thứ ba, các doanh nghiệp ở Việt Nam nên học tập theo kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc đa dạng hóa các chỉ số phân tích. Đồng thời cần bổ sung các nội dung phân tích HQKD trên khía cạnh xã hội để thấy được sự toàn diện trong HQKD của công ty.

Thứ tư, việc phân tích tài chính ở doanh nghiệp nói chung, phân tích HQKD tại các doanh nghiệp nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào chuẩn mực kế toán áp dụng, khuôn khổ pháp lý, cũng như điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Do vậy, để thông tin phân tích HQSXKD của các DN niêm yết tại Việt Nam có thể so sánh với các nước khác trên thế giới và dễ hiểu cho các nhà đầu tư quốc tế thì các cơ quan quản lý cần phải hoàn thiện chuẩn mực kế toán cũng như pháp luật về chứng khoán và TTCK theo thông lệ quốc tế.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY THỦY SẢN NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

2.1. Tổng quan về các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của ngành Thủy sản và các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

- Quá trình hình thành và phát triển ngành Thủy sản ở Việt Nam

- Quá trình hình thành và phát triển của các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của các công ty Thủy sản niêm yết

Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của các công ty Thủy sản niêm yết sẽ ảnh hưởng đến nội dung và quy trình phân tích HQKD.

2.1.3. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của các công ty Thủy sản niêm yết

Các đặc điểm về sản phẩm, nguồn nguyên liệu, đặc điểm kỹ thuật công nghệ, thị trường tiêu thụ của các công ty thủy sản niêm yết có ảnh hưởng lớn đến phân tích HQKD của công ty.

2.2. Thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

2.2.1. Thực trạng về cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

Kết quả khảo sát như sau 100% các công ty được hỏi có chuẩn bị cơ sở dữ liệu cho phân tích HQKD. Tuy nhiên đa số các công ty sử dụng thông tin bên trong công ty làm cơ sở dữ liệu chính cho phân tích HQKD chỉ có 5 công ty là có sử dụng thêm cả thông tin bên ngoài.

2.2.2. Thực trạng về quy trình phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

Từ kết quả khảo sát NCS tiến hành chạy lệnh thống kê mô tả trên SPSS thu được kết quả thống kê “mức độ quan tâm tới quy trình phân tích HQKD” và “Mức độ thực hiện quy trình

phân tích HQKD” tại các công ty Thủy sản niêm yết như sau: các công ty được khảo sát chỉ quan tâm và thực hiện khâu tiến hành phân tích với mức Mean là 3,67. Những khâu còn lại chưa được quan tâm thực hiện.

2.2.3. Thực trạng về phương pháp phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

Từ kết quả khảo sát NCS tiến hành chạy lệnh thống kê mô tả trên SPSS thu được kết quả thông kê “mức độ quan tâm tới phương pháp phân tích HQKD” và “Mức độ thực hiện phương pháp phân tích HQKD” tại các công ty Thủy sản niêm yết như sau: phương pháp được các công ty được khảo sát chỉ quan tâm và thực hiện nhiều nhất là phương pháp so sánh mức Mean là 4. Những phương pháp còn lại chưa được quan tâm thực hiện

2.2.4. Thực trạng về nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

2.2.4.1 Thực trạng về nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh trên khía cạnh kinh tế tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

Từ kết quả khảo sát NCS tiến hành chạy lệnh thống kê mô tả trên SPSS thu được kết quả thông kê “mức độ quan tâm” và “Mức độ thực hiện” các chỉ tiêu về phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh; phân tích hiệu quả chi phí; phân tích hiệu quả sử dụng vốn; và chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam. Đồng thời tổng hợp kết quả khảo sát nhà quản trị và nhà đầu tư về việc sử dụng các thông tin từ phân tích hiệu suất sử dụng vốn để hỗ trợ ra quyết định.

2.2.4.2. Thực trạng về nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh trên khía cạnh xã hội tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

Theo khảo sát thực trạng về phân tích kết quả kinh doanh trên khía cạnh xã hội tại các công ty Thủy sản niêm yết dựa vào kết quả của bảng khảo sát, phương pháp phân tích được sử dụng là phương pháp so sánh, đồng thời NCS tiến hành chạy lệnh trên

SPSS và thu được kết quả thống kê về mức độ quan tâm và mức độ thực hiện các chỉ tiêu phân tích HQKD ở khía cạnh xã hội tại các công ty Thủy sản niêm yết như sau: các công ty Thủy sản niêm yết quan tâm tới các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh trên khía cạnh xã hội ở mức trung bình. Tuy nhiên, mức độ thực hiện các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh trên khía cạnh xã hội của các công ty Thủy sản niêm yết còn thấp.

2.3. Đánh giá thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

2.3.1. Những kết quả đạt được

- *Về cơ sở dữ liệu phân tích HQKD*: theo như khảo sát các công ty Thủy sản niêm yết đã có tiến hành sưu tầm, chuẩn bị cơ sở dữ liệu cho việc phân tích HQKD, thông tin phục vụ phân tích cũng đã lấy cả thông tin bên trong và bên ngoài công ty, có lấy thông tin trên BCTC và thông tin trên BCQT.

- *Về quy trình phân tích HQKD*: các công ty Thủy sản niêm yết đã tiến hành phân tích HQKD theo quy trình sưu tầm tài liệu, thực hiện phân tích và lập báo cáo phân tích. Quy trình mặc dù chưa đầy đủ nhưng cũng đã đáp ứng được nhu cầu thông tin cơ bản.

- *Về Phương pháp phân tích HQKD*: theo khảo sát thì đa số các công ty Thủy sản niêm yết đã sử dụng những phương pháp phân tích HQKD đơn giản để tiến hành phân tích.

- *Về nội dung phân tích HQKD*: đa số các công ty Thủy sản niêm yết được khảo sát đều đã tiến hành phân tích các nội dung của HQKD chủ yếu trên khía cạnh kinh tế.

2.3.2. Những mặt tồn tại và nguyên nhân

2.3.2.1. Những mặt tồn tại

*** Về cơ sở dữ liệu phân tích**

Trong việc sưu tầm, tổng hợp các thông tin phục vụ hoạt động phân tích HQKD của các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam còn ít sử dụng các báo cáo quản trị và các thông tin kinh tế chung, đây là những tài liệu quan trọng giúp cho việc

phân tích HQKD của công ty cụ thể, chi tiết đầy đủ và kịp thời hơn.

*** Về quy trình phân tích**

Trong công tác phân tích các công ty Thủy sản niêm yết hầu như chưa có giai đoạn chuẩn bị phân tích. Mặc dù có một số công ty đã thực hiện đầy đủ những công việc như thực hiện và kết thúc phân tích nhưng cũng còn chưa được khoa học và bài bản.

*** Về phương pháp phân tích**

Phương pháp phân tích HQKD được sử dụng còn đơn giản, chỉ mang tính chất so sánh, chưa phản ánh được mức độ ảnh hưởng của từng chỉ tiêu.

*** Về nội dung phân tích**

- Nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh, các công ty Thủy sản niêm yết còn đơn giản, chưa đầy đủ các chỉ tiêu, đồng thời việc tính toán một số chỉ tiêu còn chưa đúng. Chưa chú trọng đến phân tích HQKD ở khía cạnh xã hội.

2.3.2.2. Nguyên nhân hạn chế

*** Nguyên nhân khách quan:** do thiếu những quy định về phân tích tài chính doanh nghiệp cũng như phân tích hiệu quả kinh doanh

*** Nguyên nhân chủ quan:** do nhận thức của nhà quản lý về phân tích tài chính và phân tích HQKD còn hạn chế

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY THỦY SẢN NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

3.1. Bối cảnh kinh tế xã hội và định hướng phát triển ngành Thủy sản Việt Nam

3.1.1. Bối cảnh kinh tế xã hội tác động đến các công ty Thủy sản ở Việt Nam

3.1.2. Định hướng phát triển ngành Thủy sản

Theo dự thảo chiến lược phát triển ngành thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, dự thảo nhằm xây dựng và phát triển ngành Thủy sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2030, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển đảo của Tổ quốc.

3.2. Quan điểm và nguyên tắc hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

3.2.1. Quan điểm hoàn thiện

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở quy định của nhà nước về chế độ kế toán, chế độ công khai báo cáo bắt buộc đối với công ty niêm yết, quy định của Sở GD&ĐT, của UBCK Nhà nước.

Thứ hai, hoàn thiện phải có khả năng đánh giá được chính xác và toàn diện hiệu quả của các đối tượng, các nguồn lực trong doanh nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện phải phù hợp với đặc thù ngành, với đặc thù các công ty niêm yết là công ty đại chúng.

Thứ tư, hoàn thiện phải đánh giá được toàn diện HQKD theo các cấp độ khác nhau.

Thứ năm, hoàn thiện phải phù hợp với xu thế phát triển của thế giới về phân tích HQKD, thuận tiện trong việc ứng dụng khoa học công nghệ thông tin vào phân tích.

Thứ sáu, hoàn thiện nội dung phải đầy đủ hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện

Hoàn thiện phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết phải đảm bảo các nguyên tắc: Nguyên tắc phù hợp; nguyên tắc đồng bộ; nguyên tắc thống nhất; nguyên tắc linh hoạt; nguyên tắc khả thi.

3.3. Giải pháp hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

Căn cứ vào định hướng, quan điểm và nguyên tắc hoàn thiện được trình bày ở trên, NCS đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh của các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam như sau:

3.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ sở dữ liệu phân tích hiệu quả kinh doanh

Dựa vào thực trạng về cơ sở dữ liệu phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết NCS đưa ra các giải pháp để hoàn cơ sở dữ liệu như sau:

Thứ nhất, tiếp tục sử dụng các thông tin trên BCĐKT và BCKQKD của công ty, bổ sung thêm các thông tin cần thiết trên BCLCTT và thuyết minh BCTC.

Thứ hai, sưu tầm và sử dụng các báo cáo quản trị.

Thứ ba, bổ sung thêm các thông tin bên ngoài công ty để phục vụ cho phân tích HQKD.

Thứ tư, bổ sung thêm các thông tin phục vụ cho phân tích HQKD trên khía cạnh xã hội.

3.3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy trình phân tích hiệu quả kinh doanh

Xuất phát từ thực trạng của các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam hiện nay, NCS đề xuất giải pháp nhằm chuẩn hóa quy trình phân tích HQKD gồm các bước sau: Lập kế hoạch phân tích, thu thập cơ sở dẫn liệu phục vụ phân tích, thực hiện phân tích và kết thúc phân tích.

3.3.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện phương pháp phân tích hiệu quả kinh doanh

Xuất phát từ thực trạng sử dụng phương pháp phân tích HQKD của các công ty Thủy sản niêm yết NCS đưa ra các giải pháp hoàn thiện như sau: hoàn thiện phương pháp so sánh, bổ sung phương pháp phân tích nhân tố và phương pháp dự báo.

3.3.4. Nhóm giải pháp hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

3.3.4.1. Hoàn thiện nội dung phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết trên khía cạnh kinh tế:

** Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh*

Cơ sở giải pháp hoàn thiện

Dựa vào thực trạng chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty Thủy sản niêm yết ở chương 2. NCS đưa ra các giải pháp hoàn thiện chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Giải pháp

Tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu mà các công ty Thủy sản niêm yết đang sử dụng là tỉ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỉ suất lợi nhuận sau thuế và bổ sung thêm chỉ tiêu tỉ suất lợi nhuận kế toán trước thuế và bổ sung thêm chỉ tiêu đặc thù ngành thủy sản

** Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả chi phí tại các công ty Thủy sản niêm yết*

Cơ sở giải pháp hoàn thiện

Hoàn thiện chỉ tiêu phân tích hiệu quả chi phí giúp cho các nhà quản trị thấy được trình độ quản lý chi phí cả tổng quát lẫn chi tiết, xem xét việc sử dụng chi phí đã thực sự hiệu quả chưa, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm quản trị chi phí hợp lý hơn.

Giải pháp

- Các chỉ tiêu phân tích: ngoài 3 chỉ tiêu mà 2 công ty đã tiến hành phân tích là tỉ suất giá vốn hàng bán trên DTTBH&CCDV, tỉ suất chi phí bán hàng trên DTTBH&CCDV và tỉ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên DTTBH&CCDV, thì cần bổ sung: tỷ suất chi phí hoạt động trên tổng DTT; tỷ suất chi phí tài chính trên tổng DTT; bổ sung thêm chỉ tiêu đặc thù ngành thủy sản là tỉ suất chi phí NVLTT.

** Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu suất sử dụng vốn tại các công ty Thủy sản niêm yết*

Cơ sở giải pháp hoàn thiện

Hoàn thiện chỉ tiêu phân tích hiệu suất sử dụng vốn, giúp cho các nhà quản trị của doanh nghiệp nắm bắt được những thông tin đầy đủ, chính xác về hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh, hiệu suất sử dụng từng loại vốn và những nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Giải pháp hoàn thiện

Tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu mà các công ty Thủy sản niêm yết đang phân tích hiện nay, bổ sung thêm các chỉ tiêu số vòng luân chuyển vốn ngắn hạn và kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn, bổ sung chỉ tiêu kỳ tồn kho bình quân, chỉ tiêu số vòng thu hồi nợ và kỳ thu hồi nợ bình quân, tiếp tục sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng VCD tuy nhiên mẫu số phải được tính bằng VCD bình quân

** Hoàn thiện chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời*

Cơ sở giải pháp hoàn thiện

.Xuất phát từ những đánh giá về thực trạng chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời và đặc thù của các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam, NCS đề xuất các giải pháp hoàn thiện nội dung này như sau:

Giải pháp

Tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời như các công ty Thủy sản niêm yết đang sử dụng: hệ số LNST/ DTT, hệ số LNST/ VCSH (ROE), hệ số LNST/ Tổng TS (ROA), Hệ số LN từ HĐKD/ DTT. Bổ sung thêm các chỉ tiêu phân tích mà các công ty Thủy sản niêm yết chưa sử dụng bao gồm: hệ số sinh lời kinh tế của tài sản (BEP); hệ số sinh lời cổ phiếu thường (EPS); cổ tức trên thu nhập của mỗi cổ phiếu thường (D/E); hệ số cổ tức trên thị giá của mỗi cổ phiếu thường (D/P).

3.3.4.2. Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh ở khía cạnh xã hội

Cơ sở giải pháp hoàn thiện

Hoàn thiện chỉ tiêu phân tích HQKD trên khía cạnh xã hội sẽ giúp cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin về HQKD của các công ty Thủy sản đứng trên phương diện đóng góp cho sự phát triển bền vững của DN, và của toàn xã hội. Xuất phát từ những đánh giá về thực trạng chỉ tiêu phân tích HQKD trên khía cạnh xã hội và đặc thù của các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam, NCS đề xuất các giải pháp hoàn thiện nội dung này như sau:

Giải pháp

Bổ sung các nhóm các chỉ tiêu đóng góp về mặt kinh tế cho xã hội; nhóm các chỉ tiêu đóng góp về bảo vệ môi trường và nhóm các chỉ tiêu khác của công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam.

3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

3.4.1. Đối với các cơ quan nhà nước

Cần bổ sung các văn bản có tính pháp lý quy định rõ về nội dung phân tích, hệ thống chỉ tiêu phân tích, phương pháp và quy trình phân tích. Bộ Tài chính cũng cần đưa ra những quy định chặt chẽ đối với việc công bố thông tin BCTC đảm bảo kịp thời và có chất lượng cao hơn

3.4.2. Đối với các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam

Tăng cường về nhận thức vai trò của phân tích HQKD, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ phân tích, tổ chức bộ máy phân tích chuyên trách riêng.

KẾT LUẬN

Các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán nói chung và các công ty Thủy sản niêm yết nói riêng thì việc minh bạch hóa các thông tin tài chính, đặc biệt là HQKD là vô cùng quan trọng. Bởi vì HQKD của công ty không chỉ là mối quan tâm của các chủ thể quản lý mà còn là mối quan tâm của đông đảo các nhà đầu tư, ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty chứng khoán, các cơ quan quản lý của nhà nước. Các thông tin được cung cấp từ hoạt động phân tích HQKD sẽ giúp cho các nhà quản trị của công ty đánh giá được thực trạng HQKD của doanh nghiệp, những điểm mạnh và hạn chế và nguyên nhân những hạn chế để từ đó đưa ra những quyết định quản lý phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty. Còn đối với những đối tượng khác, thông tin từ phân tích HQKD sẽ giúp họ có cái nhìn rõ ràng về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó sẽ có quyết định đầu tư, cho vay...

Trên cơ sở lý luận và số liệu khảo sát thu thập được, đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam” đã tiến hành phân tích và đạt được một số kết quả.

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa và làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về HQKD và phân tích HQKD trong DN theo các quan điểm khác nhau của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, từ đó đưa ra quan điểm của NCS về HQKD và phân tích HQKD.

Thứ hai, luận án đã khái quát được quá trình hình thành và phát triển của các công ty Thủy sản niêm yết, đặc điểm của ngành Thủy sản ảnh hưởng đến HQKD và phân tích HQKD. Đồng thời, luận án cũng khảo sát, điều tra thực tế để biết được thực trạng hoạt động phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết. Qua đó, luận án tiến hành đánh giá những kết quả đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc phân tích HQKD của các công ty này.

Thứ ba, luận án đã chỉ ra định hướng phát triển ngành Thủy sản nói chung và các công ty Thủy sản niêm yết nói riêng tới năm

2030 tầm nhìn 2045. Đồng thời luận án cũng đã đề xuất sáu quan điểm và năm nguyên tắc hoàn thiện. Đây là tiền đề cơ bản để đạt được mục đích nghiên cứu của luận án.

Thứ tư, luận án đã đạt được mục tiêu cơ bản nhất là đưa ra các giải pháp hoàn thiện phân tích HQKD tại các công ty Thủy sản niêm yết trên ba góc độ: Hoàn thiện phương pháp phân tích đặc biệt là phương pháp dự báo bằng phân tích hồi quy, hoàn thiện nội dung phân tích trên khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội, và hoàn thiện quy trình phân tích.

Thứ năm, luận án đã đề xuất một số kiến nghị nhằm thực hiện tốt và phát huy tính hiệu quả của các giải pháp trên, đó là kiến nghị với cơ quan nhà nước và kiến nghị với các công ty Thủy sản niêm yết.